TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 21 – 7 - 2025
"V/v: Không công nhận quan hệ như vợ, chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sáu và bà Nguyễn Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ như vợ, chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phương Thị L (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Hạ Điền, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

(Nay là thôn Hạ Điền, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Ông Lục Văn T (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Xuân Lạng 1, xã Ea Đăh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

(Nay là thôn Xuân Lạng 1, xã Phú Xuân, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phương Thị L trình bày:**

Bà (Phương Thị L) và ông Lục Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông L chung sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai người đã chấm dứt cuộc sống chung. Vì vậy, hiện nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Lục Văn T là vợ, chồng.

Về con chung: Bà và ông Lục Văn T có 02 con chung là Lục Thị N, sinh ngày 08/3/1997 và Lục Thị N1, sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

Về phân chia tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lục Văn T trình bày:

Ông (Lục Văn T) công nhận ông và bà Phương Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai người bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai người đã chấm dứt cuộc sống chung. Vì vậy, hiện nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà L là vợ, chồng thì ông chấp nhận.

Về con chung: Công nhận ông và bà L có 02 con chung là Lục Thị N, sinh ngày 08/3/1997 và Lục Thị N1, sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

Về phân chia tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; các Điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Giải quyết cho bà Phương Thị L và ông Lục Văn T không còn quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung, gồm: Cháu Lục Thị N, sinh năm 1997 và cháu Lục Thị N1, sinh năm 2000. Các con chung đều phát triển bình thường, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phương Thị L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phương Thị L và ông Lục Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai người phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông T là vợ, chồng. Như vậy, tranh chấp giữa bà L và ông T là "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay hai người đã không còn sống chung, bà L có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông T. Xét tình cảm giữa bà L và ông T không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà L và ông T là vợ, chồng.

- Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Lục Thị N, sinh ngày 08/3/1997 và Lục Thị N1, sinh ngày 09/10/2000. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi con.

- Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà L là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phương Thị L và ông Lục Văn T là vợ, chồng.

2. Về án phí: Bà Phương Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10), theo biên lai số AA/2023/0012108 ngày 21 tháng 4 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI NGỌC SAN